TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 03-11-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ - TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Trung.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Liên
Ông Bùi Thanh Hưởng

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/9/2023, 23/10/2023 và 03/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2023/TLST- HNGĐ ngày 28/6/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/9/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Phúc T; Địa chỉ: Tổ 05, thị trấn V, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- Bị đơn: Chị Lý Mùi L; Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Hà Phúc T trình bày: Tôi và chị Lý Mùi L tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì ngày 11/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2022 tôi đi công tác xa nhà, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra thì chúng tôi đã sống ly thân, đến nay mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 25/01/2019. Khi ly hôn tôi có quan điểm đề nghị giao cháu N cho tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2023 và quá trình giải quyết chị Lý Mùi L trình bày: Tôi và anh Hà Phúc T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì ngày 11/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn với tôi, tôi nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 25/01/2019. Khi ly hôn tôi có quan điểm đề nghị giao cháu N cho tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

- Anh T giữ nguyên quan điểm về việc xin ly hôn với chị L; về nuôi con chung anh giữ nguyên quan điểm đề nghị giao cho anh là người trực tiếp nuôi con, lý do cháu N bị bệnh cần phải có điều kiện sinh hoạt phù hợp và định kỳ đưa đi khám điều trị, nếu ở với anh thì việc chăm sóc và chữa bệnh cho cháu sẽ thuận lợi hơn ở với chị L do anh hiện nay đang ở chung với ông bà nội cháu N là ông Hà Phúc T1 và bà Hà Thị Ng, ông bà hàng ngày buôn bán nhỏ ở nhà có thời gian và điều kiện hỗ trợ anh cùng chăm sóc cháu và hỗ trợ về công sức lẫn vật chất khi đưa cháu đi khám, chữa bệnh định kỳ. Không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Chị L giữ nguyên quan điểm: Nhất trí ly hôn với anh T; Về con chung chị đề nghị giao cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, lý do vì cháu N còn nhỏ giao cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ tốt hơn, nếu giao cho anh T thì hàng ngày anh T phải đi làm xa nhà, cháu N phải nhờ ông bà nội là ông Hà Phúc T1 và bà Hà Thị Ng chăm sóc, đề nghị được nuôi con chung là cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 25/01/2019. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân, xét thấy anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Anh T có đơn xin ly hôn, chị L nhất trí ly hôn. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị L.

+ Về con chung: Anh T và chị L có một con chung là cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 25/01/2019. Ly hôn anh T và chị L đều yêu cầu được là người trực tiếp nuôi cháu N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do anh T và chịu L đều có thu nhập và chỗ ở đảm bảo việc nuôi con, chị L có điều kiện về thời gian chăm sóc con tốt hơn, từ năm 2022 khi anh chị sống ly thân cháu N sống cùng chị L. Đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi con để không làm xáo trộn tâm lý của cháu N.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Hà Phúc T và chị Lý Mùi L cùng cư trú tại huyện H, tỉnh Hà Giang, anh T có đơn khởi kiện xin Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với chị L. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án xin ly hôn các đương sự yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 và các Điều 51, 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về nội dung vụ án:

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Anh T và chị L đăng ký đăng ký kết hôn ngày 11/01/2019, tại UBND thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp. Lý do anh T xin

ly hôn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn. Đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L. Chị L xác nhận vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do khó khăn về kinh tế vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T có đơn xin ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn với anh T. HĐXX xét thấy, cuộc sống chung của anh T và chị L không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, có mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng cuộc sống gia đình đã sống ly thân một thời gian và không còn quan tâm đến nhau. Nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống của anh chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, hai anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình công nhận thuận tình ly hôn cho anh T và chị L.

[5]. Về con chung: Anh T và chị L cùng xác nhận có một con chung là cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 25/01/2019, hiện nay cháu đang sống cùng chị L. Ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung và cùng xác nhận cháu N hiện nay là trẻ khuyết tật đang mắc bệnh huyết tán bẩm sinh phải điều trị định kỳ hàng tháng. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liều có trong hồ sơ vụ án nhận thấy về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con của anh T chị L như sau:

[6] Anh T hiện đang công tác tại Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở xã Bản Máy, có công việc ổn định và có thu nhập từ lương là 12.690.300đ/tháng, về điều kiện về nơi ở anh T hiện nay đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ là bà Hà Thị Ng và ông Hà Phúc T1 tại tổ 05 thị trấn V, huyện H, bà Ng và ông T1 xác nhận hiện nay anh T đang ở chung với gia đình ông bà là ngôi nhà xây 03 tầng kiên cố và ông bà tạo điều kiện để anh T cùng cháu N sinh sống cùng ông bà lâu dài, gia đình có bố trí phòng sinh hoạt riêng cho anh T và cháu N sinh hoạt *(Trước đây là phòng sinh hoạt của gia đình anh T, chị L và cháu N)*.

[7] Chị L hiện nay đang sinh sống tại thôn T, xã N có đăng ký kinh doanh cắt tóc, gội đầu và thực tế hiện nay đang làm nghề tóc và móng, bán quần áo, bán ăn sáng. Quá trình giải quyết vụ án chị L trình bầy hiện nay công việc làm tóc và móng của chị có thu nhập từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ một tháng, tuy nhiên xác minh tại cơ sở làm tóc và móng tại địa bàn lân cận có điều kiện kinh tế xã hội, đặc điểm dân cư tương tự như địa bàn thôn T, xã N (Thôn 10, xã Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì) xác định được với công việc làm tóc và làm móng (nail) hàng tháng cho thu nhập khoảng 4.000.000đ và không ổn định phụ thuộc vào lượng khách hàng; xác minh tại cơ sở làm tóc tại trung tâm thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì thu nhập từ nghề làm tóc khoảng 7.000.000đ/tháng và thu nhập không ổn định phụ thuộc vào lượng khách hàng. Như vậy mức thu nhập hàng tháng chị L đưa ra từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ là chưa đủ căn cứ và do các công việc của

chị L kinh doanh đều phải phụ thuộc vào lượng khách hàng đến sử dụng dịch vụ, nên thu nhập hàng tháng của chị L là không ổn định; Về điều kiện nơi ở và sinh hoạt, chị L hiện nay có nơi ở là căn nhà thuê của ông Lý Chàn K tại thôn T, xã N, là nhà cấp IV lợp pro xi măng có diện tích khoảng 70m^2 đến 80m^2 vừa là nơi ở cũng là nơi dùng làm cửa hàng làm tóc và làm móng và bán hàng ăn sáng, bán quần áo nên điều kiện nơi ở và sinh hoạt của chị L chưa thuận lợi cho việc ở và chăm sóc cháu N.

[8] Về việc hỗ trợ, chăm sóc cháu N và chăm sóc y tế cho cháu: Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị L đều xác nhận cháu là trẻ khuyết tật bị bệnh huyết tán bẩm sinh phải điều trị định kỳ tại cơ sở y tế, từ khi cháu được 02 tháng tuổi anh chị phát hiện cháu bị bệnh thì cả hai anh chị cùng có trách nhiệm đưa cháu đi chữa bệnh và luôn có sự hỗ trợ từ gia đình anh T là ông T1, bà Ng (ông bà nội cháu N), từ cuối năm 2022 đến nay khi anh chị sống ly thân thì gia đình anh T (ông T1 bà Ng) cũng đều hỗ trợ anh T, chị L trong việc định kỳ đưa cháu N đi chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang và các cơ sở y tế khác. Anh T, chị L xác nhận cháu N hiện nay được Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Hoàng Su Phì hỗ trợ trẻ khuyết tật là 760.000đ/tháng, hàng tháng ông nội cháu là ông Hà Phúc T1 nhận tiền hỗ trợ và hiện nay đang quản lý số tiền hỗ trợ này là 9.880.000đ. Hiện nay cháu N định kỳ 02 đến 03 tháng thì phải đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang khám, chữa bệnh khoảng 03 đến 04 ngày.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại UBND thị trấn Vinh Quang, xác định được cháu N là người khuyết tật dưới 16 tuổi dạng nặng do UBND thị trấn Vinh Quang quản lý và hàng tháng được nhà nước hỗ trợ là 640.000đ.

[10] Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoàng Su Phì có quan điểm giao con cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng do chị L có điều kiện về thời gian trong việc trực tiếp nuôi cháu N và đề không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Xét thấy trước khi giải quyết ly hôn cháu N đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng vẫn có sự quan tâm chăm sóc của anh T nên việc giao con cho ai cũng không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, về điều kiện thời gian chăm sóc cháu N căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định các bên đều có thời gian đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

[11] Như vậy xét về điều kiện thu nhập, nơi ở, điều kiện chăm sóc cháu Hà Ngọc N xác định được anh T có thu nhập hàng tháng ổn định, có đủ điều kiện về nơi ở, chị L hàng tháng có thu nhập không ổn định, điều kiện về nơi ở, chăm sóc cho cháu N không tốt bằng anh T, ngoài ra việc đưa cháu N đi khám chữa bệnh định kỳ đều có sự hỗ trợ của bố, mẹ anh Hà Phúc T là bà Hà Thị Ng và ông Hà Phúc T1. Tòa án tiến hành tham khảo ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em trên địa bàn là Phòng Văn hóa thông tin huyện Hoàng Su Phì và

Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Hoàng Su Phì cho ý kiến đề nghị căn cứ vào điều kiện thực tế đề nghị giao cho anh Hà Phúc T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu N.

[12] Hội đồng xét xử xét thấy giao cho anh Hà Phúc T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Ngọc N là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định pháp luật. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[13]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[14]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí sơ thẩm Ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Phúc T và chị Lý Mùi L.

2. Về con chung: Giao cho anh Hà Phúc T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 25/01/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Lý Mùi L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

3. Về Án phí: Anh T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang biên lai số 0008144 ngày 28/6/2023.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- UBND thị trấn Vinh Quang;
- Lưu hồ sơ:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đinh Hoàng Trung